

DANH MỤC TÀI LIỆU
Tại đơn vị/CBCCVCLĐ: SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu	Ghi chú
I	CÁC QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC, PHÊ DUYỆT QTNB (Kể cả các quyết định bổ sung, sửa đổi TTHC, QTNB)		
	Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 về việc Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 15/7/2025	
	Lĩnh vực dân tộc		
1	Tên TTHC 1.1: Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	1.012222	Quyết định 312/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 về việc Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
2	Tên TTHC 1.2: Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	1.012223	
	Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo		
1	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	1.012605	Quyết định 312/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 về việc Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
2	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	1.012606	
3	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã thuộc một tỉnh	1.012607	
4	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	1.012637	

5	Thủ tục đề nghị tự giải thể của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	1.012639
6	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012641
7	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.012644
8	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012645
9	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012646
10	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	1.012648
11	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác	1.012653
12	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.012655
13	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh	1.012656
14	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	1.012657
15	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	1.012658
16	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích	1.012659
17	Thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam	1.012660

18	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012661
19	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012664
20	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012672
21	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	1.012616
22	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012628
23	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 34 của luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.012629
24	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012632
25	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng.	1.012592
26	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	1.012591
27	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	1.012582
28	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã.	1.012584
29	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.012585
30	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung.	1.012590
31	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	1.013796
32	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã.	1.013797

33	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã.	1.013798	
II	CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN CHO VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN (theo lĩnh vực giải quyết công việc chuyên môn của đơn vị được lập hồ sơ trong BM.TLHS.03)		
1	Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính Phủ về công tác dân tộc Nghị định 127/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 05/2011/NĐ-CP về công tác dân tộc.	Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 và 127/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính Phủ	Hiệu lực từ ngày 04/3/2011, thay thế cho các quy định liên quan đến công tác dân tộc trái với quy định tại Nghị định này.
2	Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2025” (sau đây gọi tắt là Đề án)	Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Hiệu lực từ ngày ký
3	Quyết định số 3299/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 3299/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh	Hiệu lực từ ngày ký
4	Thông tư số 03/2025 ngày 24/6/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo	Thông tư số 03/2025 ngày 24/6/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025
5	Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ	Hiệu lực từ ngày 24 tháng 4 năm 2018, thay thế cho Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày

			18/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ
6	Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ	Hiệu lực từ ngày 15 tháng 01 năm 2024
7	Thông tư số 09/2025/TT-BDTTg ngày 29/08/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định chế độ báo cáo trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo	Thông tư số 09/2025/TT-BDTTg ngày 29/08/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025 và thay thế Thông tư số 06/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc
8	Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030.	Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ	Hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2020; thay thế Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020 Hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025
9	Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 – 2025 Nghị định số 255/2025/NĐ-CP ngày 29/9/2025 của Chính phủ xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ	Hiệu lực từ ngày 15/02/2021 Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2025.
10	Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025	861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017, Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh

			sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc các xã, thôn trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp tục thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội
10	Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025	612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc	Hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.
11	Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025	1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Hiệu lực từ ngày ký ban hành
12	Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;	88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội	
13	Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;	12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ	

14	Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư CTr mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội	Hiệu lực từ ngày ký ban hành
15	Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng	1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính ph	
16	Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Hiệu lực từ ngày ký ban hành
17	Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ	Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 6 năm 2025, thay thế Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.
18	Thông tư liên tịch số 07/2014/TTLT-UBDT-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ – Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện	07/2014/TTLT-UBDT-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ – Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc	Hiệu lực kể từ ngày 15/02/2015 và thay thế Thông tư liên tịch số 04/2010/TTLT-UBDT-BNV ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về công tác dân tộc cấp tỉnh, huyện.

19	Thông tư số 02/2025/TT-BD TTG ngày 24/6/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Dân tộc và Tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thông tư số 02/2025/TT-BD TTG ngày 24/6/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Hiệu lực từ ngày 01/7/2025 và thay thế Thông tư số 01/2021/TT-UBND ngày 01/11/2021 của Ủy ban Dân tộc
20	Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Khánh Hòa	Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND tỉnh	Hiệu lực kể từ ngày ký
21	Thông tư số 01/2023/TT-UBND ngày 20/7/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công tác dân tộc trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công tác dân tộc	01/2023/TT-UBND ngày 20/7/2023 của Ủy ban Dân tộc	Hiệu lực kể từ ngày 15/9/2023